

Số: 2356./QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học luật
hình thức vừa làm vừa học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BDGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Xét Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh khóa 16, văn bằng 2 (2016-2019), đại học luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 11 tháng 8 năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng Khoa Đào tạo tại chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 96 (chín mươi sáu) thí sinh trúng tuyển vào học khóa 16, văn bằng 2 (2016-2019), đại học luật hình thức vừa làm vừa học, mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tuyển thẳng 47 (bốn mươi bảy) thí sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành khác vào học khóa 16, văn bằng 2 (2016-2019), đại học luật hình thức vừa làm vừa học, mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trưởng Khoa Đào tạo tại chức, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*HL*

Nơi nhận: *HL*

- Như Điều 3,
- Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Vụ TCCB-Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu VT, ĐTTC.

**HIỆU TRƯỞNG**
HL
Lê Tiến Châu

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

MỞ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI - KHÓA 16 VB2 (2016-2019) - HỆ VB2

Kèm theo QĐ số: **2356** /QĐ-ĐHLHN ngày **24** tháng **8** năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

Trang 1

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
1	00001	Hoàng Anh	07/12/83		Hà Nội	Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch thuật Bản Việt	01	5.00	3.00	8.00	
2	00002	Nguyễn Bá Hoàng Anh	08/12/88		Hà Nội	UBND phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		6.00	4.00	10.00	
3	00003	Nguyễn Thị Vân Anh	03/01/91	Nữ	Hà Giang	Cục Phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ Quốc	02	6.00	6.00	12.00	
4	00004	Nguyễn Thị Vân Anh	24/10/90	Nữ	Hà Nội	UBND phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội		5.50	4.00	9.50	
5	00006	Phan Tuấn Anh	07/10/82		Hà Nội	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Phát triển thương mại dịch	01	5.00	6.00	11.00	
6	00007	Phạm Quốc Anh	24/08/81		Vĩnh Phúc	Phòng Công thương, UBND huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	01	7.50	5.00	12.50	
7	00008	Trần Thị Ngọc Anh	31/08/86	Nữ	Hà Nội	UBND phường Từ Liêm, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội		8.50	6.00	14.50	
8	00009	Trần Trọng Âu	12/12/88		Hà Nội	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	02	5.50	5.00	10.50	
9	00010	Nguyễn Đức Bảy	10/07/88		Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư Toàn Cầu	02	6.00	2.00	8.00	
10	00012	Lê Thị Quý Chang	04/10/90	Nữ	Vĩnh Phúc	UBND xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc		7.50	4.00	11.50	
11	00013	Lê Khánh Chi	03/11/90	Nữ	Hà Nội	UBND phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		5.50	7.00	12.50	
12	00014	Trịnh Linh Chi	08/01/93	Nữ	Thanh Hóa	UBND thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa		7.50	6.50	14.00	
13	00015	Nguyễn Hồng Chuẩn	26/08/77		Hưng Yên	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt	01	6.00	6.00	12.00	
14	00016	Nguyễn Thành Công	30/04/91		Quảng Ninh	UBND phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		5.50	4.50	10.00	
15	00017	Nguyễn Thị Dịu	19/05/85	Nữ	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Dầu ấn Việt	02	5.00	5.00	10.00	
16	00018	Nguyễn Thị Khánh Dung	23/02/89	Nữ	Hà Nội	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	01	8.00	5.00	13.00	
17	00019	Vũ Thị Dung	14/06/85	Nữ	Thái Bình	UBND xã Đông Hoàng, huyện Tiến Hải, tỉnh Thái Bình		6.50	6.00	12.50	
18	00020	Lê Huy Dũng	08/12/87		Thanh Hóa	Công ty TNHH Fujitsu Việt Nam	01	8.50	6.00	14.50	
19	00021	Nguyễn Văn Dũng	05/04/83		Hà Nội	Phòng Tư pháp huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	02	7.50	5.00	12.50	
20	00022	Nguyễn Thị Đoàn	15/03/75	Nữ	Vĩnh Phúc	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trường Đại học Luật Hà Nội	01	6.50	2.50	9.00	
21	00024	Lê Minh Đức	18/08/93		Hà Nội	UBND phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		7.00	5.00	12.00	
22	00025	Nguyễn Anh Đức	09/04/93		Hà Nội	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại 901		5.50	5.00	10.50	
23	00026	Nguyễn Phan Giang	02/06/86		Quảng Ninh	UBND phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	02	5.50	4.00	9.50	
24	00027	Phạm Thu Giang	10/10/91	Nữ	Thái Bình	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	02	6.50	6.50	13.00	
25	00028	Long Thị Thanh Hà	07/07/82	Nữ	Hà Nội	TT Bảo tồn di tích và Di sản kiến trúc - Viện kiến trúc quốc gia	02	5.00	6.00	11.00	
26	00029	Nguyễn Thư Hà	26/03/81	Nữ	Lạng Sơn	Văn phòng Công chứng Tràng An	01	6.00	5.00	11.00	
27	00030	Đỗ Thị Hồng Hải	22/06/80	Nữ	Phú Thọ	Ban Giám định bồi thường Hàng hải, Tổng Công ty Bảo hiểm	01	6.00	6.00	12.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
28	00032	Dương Thị Hồng	Hạnh	19/05/77	Nữ	Hà Nội	Trung tâm Văn hóa quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	01	7.50	7.00	14.50	
29	00033	Đào Thu	Hằng	25/07/91	Nữ	Hà Nội	UBND phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	02	5.50	6.00	11.50	
30	00034	Nguyễn Thị	Hằng	11/07/78	Nữ	Hà Nội	Công ty TNHH Nội thất Tân Hoàng Giang	01	6.50	5.00	11.50	
31	00036	Phạm Thúy	Hằng	05/11/84		Hà Nội	Phòng Quản lý Công nghiệp, Sở Công thương Hà Nội	01	6.00	4.00	10.00	
32	00037	Dương Trọng	Hiền	25/04/91		Quảng Ninh	Công ty Cổ phần Thông Quảng Ninh	02	6.00	5.00	11.00	
33	00038	Triệu Thị	Hiền	03/11/85	Nữ	Hà Nội	UBND phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội		5.50	3.50	9.00	
34	00039	Đỗ Thị Như	Hoa	21/03/91	Nữ	Hà Nội	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội		4.00	4.00	8.00	
35	00040	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	21/07/88	Nữ	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nhật Minh Anh	01	6.00	4.00	10.00	
36	00041	Nguyễn Đức	Hoài	21/11/84		Bắc Ninh	Lữ đoàn 144, Bộ Tổng tham mưu	01	6.50	6.00	12.50	
37	00043	Nguyễn Thị	Hòa	10/06/85	Nữ	Lạng Sơn	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an TP	01	3.00	4.00	7.00	
38	00044	Vũ Minh	Hồng	09/11/89	Nữ	Hải Phòng	UBND phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		6.50	5.00	11.50	
39	00046	Dương Thị	Huyền	23/03/88	Nữ	Hà Nam	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	02	6.50	4.00	10.50	
40	00047	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	30/08/91	Nữ	Hà Nội	Đảng ủy phường Kiến Hưng, Đảng bộ Quận Hà Đông, thành	01	7.00	6.00	13.00	
41	00048	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	29/10/83	Nữ	Vĩnh Phúc	UBND phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà		7.00	6.00	13.00	
42	00049	Đào Văn	Hùng	25/09/92		Hà Nội	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Tiến		6.00	4.00	10.00	
43	00050	Trần Thế	Hung	14/05/90		Hải Phòng	UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		5.00	3.50	8.50	
44	00051	Vũ Tiến	Hung	19/05/82		Hà Nội	Trường THCS Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		4.50	4.00	8.50	
45	00052	Nguyễn Thu	Hương	09/06/73	Nữ	Hà Nội	UBND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	01	6.50	5.00	11.50	
46	00053	Vũ Thị Thu	Hương	20/01/87	Nữ	Hà Nội	Công ty Cổ phần Đầu tư X.STYLE	01	6.00	5.00	11.00	
47	00054	Đoàn Đình	Hường	26/11/90		Hưng Yên	UBND xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hải Dương		4.50	6.00	10.50	
48	00056	Nguyễn Tiến	Lâm	05/04/83		Vĩnh Phúc	UBND phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội		5.00	3.50	8.50	
49	00057	Nguyễn Thị Hải	Linh	15/08/85	Nữ	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý Việt	01	4.50	4.00	8.50	
50	00058	Nguyễn Thùy	Linh	16/03/84	Nữ	Nghệ An	Cục Kế hoạch - Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	01	5.00	5.00	10.00	
51	00059	Nguyễn Văn	Linh	20/12/84		Hà Nội	UBND xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	01	5.00	5.00	10.00	
52	00060	Phạm Đặng Tuấn	Linh	05/10/92		Hà Nội	Công ty TNHH VietNergy		6.50	4.00	10.50	
53	00062	Đỗ Thị	Mến	01/01/89	Nữ	Bắc Ninh	UBND phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội		3.75	4.00	8.00	
54	00063	Nguyễn Quốc	Minh	30/11/91		Hà Nội	UBND phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		5.00	5.00	10.00	
55	00064	Đoàn Diễm	My	19/05/93	Nữ	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Dương		7.50	7.00	14.50	
56	00065	Lưu Hoài	Nam	03/11/90		Hà Nội	UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà	02	7.00	6.00	13.00	
57	00066	Phạm Anh	Ngọc	24/10/89	Nữ	Hà Nội	UBND phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		7.00	7.00	14.00	
58	00067	Vũ Bích	Ngọc	10/09/91	Nữ	Hải Phòng	Vụ pháp chế, Bộ Quốc phòng		6.75	5.00	12.00	
59	00068	Vũ Sơn	Ngọc	29/09/88		Sơn La	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	01	5.50	5.00	10.50	
60	00069	Nguyễn Huy Quang	Nhật	25/04/93		Hà Nội	UBND phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		4.00	5.00	9.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
61	00070	Phạm Hồng	Nhung	02/02/91	Nữ	Hà Nội	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Đống Đa	02	8.00	5.00	13.00	
62	00071	Trương Hồng	Nhung	19/01/91	Nữ	TP Hồ Chí Minh	UBND phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		5.50	6.50	12.00	
63	00072	Dương Văn	Phúc	27/08/85		Hà Nội	Công ty Cổ phần xây dựng số 10	01	7.50	6.00	13.50	
64	00073	Vũ Thị Hồng	Phúc	12/11/85	Nữ	Nam Định	Văn phòng Luật sư Trịnh	01	4.50	4.00	8.50	
65	00074	Đoàn Thị Minh	Phương	15/12/82	Nữ	Hà Nội	Chi nhánh Tilleke & Gibbins Consultants Limited tại Hà Nội		6.50	5.00	11.50	
66	00075	Hoàng Minh	Phương	27/10/84	Nữ	Cao Bằng	UBND phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao bằng		8.00	6.00	14.00	
67	00076	Nguyễn Thị Thu	Phương	25/07/86	Nữ	Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nhật Minh Anh	01	7.50	7.00	14.50	
68	00077	Phạm Thanh	Phương	14/04/92	Nữ	Hà Nội	UBND phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội		8.00	5.00	13.00	
69	00078	Võ Thị Hồng	Phương	02/02/74	Nữ	Hà Nội	UBND phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	01	5.00	4.00	9.00	
70	00079	Lê Thành	Quang	08/10/81		Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nhật Minh Anh	01	5.50	6.00	11.50	
71	00080	Lê Đình	Quang	30/09/93		Hà Nội	UBND phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội		6.50	6.00	12.50	
72	00081	Ngô Minh	Quân	17/01/84		Hà Nội	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Du lịch công đoàn Hà		5.50	6.00	11.50	
73	00082	Trần Hoàng	Quân	28/02/93		Hải Phòng	UBND phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà		7.00	6.00	13.00	
74	00083	Phạm Hữu	Sơn	28/08/68		Vĩnh Phúc	Học viện Kỹ thuật Quân sự	01	6.50	5.50	12.00	
75	00084	Trần Ngọc	Sơn	21/06/92		Bắc Giang	UBND phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		5.00	4.00	9.00	
76	00085	Vũ Tiến	Tân	10/03/90		Bungari	UBND phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		5.00	5.00	10.00	
77	00086	Lê Thị Huyền	Thanh	03/04/88	Nữ	Hà Nội	UBND phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội		3.50	6.00	9.50	
78	00087	Nguyễn Trung	Thành	07/01/92		Hà Nội	UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà		7.00	6.00	13.00	
79	00088	Hoàng Thị	Thảo	01/06/83	Nữ	Hải Dương	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Tư pháp	01	8.50	6.00	14.50	
80	00089	Khuất Thị	Thảo	14/02/81	Nữ	Hà Nội	UBND xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội		3.50	6.00	9.50	
81	00090	Phạm Thị Ngọc	Thảo	28/08/91	Nữ	Đà Nẵng	Phòng Tổ chức cán bộ, Học viện Tư pháp		7.50	5.00	12.50	
82	00091	Lê Đình	Thịnh	12/08/86		Thanh Hóa	Công ty TNHH phần mềm SANKE	01	6.00	5.00	11.00	
83	00092	Phạm Quang	Tiến	29/07/93		Hà Nội	Học viện Tư pháp		6.50	4.00	10.50	
84	00093	Nguyễn Công	Tỉnh	08/12/92		Hà Nội	UBND phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà		5.00	5.00	10.00	
85	00094	Lý Trần	Toản	14/11/83		Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nhật Minh Anh	01	5.00	5.00	10.00	
86	00095	Lê Thùy	Trang	18/10/93	Nữ	Hà Nội	UBND phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà		7.00	6.00	13.00	
87	00096	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/12/87	Nữ	Thái Nguyên	Chi nhánh Tilleke&Gibbins Consul Tants Limited Hà Nội	01	5.50	5.00	10.50	
88	00097	Nông Thu	Trang	22/12/89	Nữ	Cao Bằng	Cục Kế hoạch - Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	01	7.50	5.00	12.50	
89	00098	Trần Thị Tuyết	Trình	05/01/81	Nữ	Hà Nội	Công ty Luật TNHH Ambys Hà Nội	01	5.50	6.50	12.00	
90	00099	Mạc Văn	Trọng	26/08/86		Hà Nội	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển thương mại dịch vụ	02	6.50	6.00	12.50	
91	00100	Nguyễn Hồ	Trọng	25/06/79		Hà Nội	UBND phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	01	5.50	4.00	9.50	
92	00101	Nguyễn Trọng	Tuân	07/05/89		Hà Nội	UBND xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội		5.00	7.00	12.00	
93	00102	Đặng Duy	Tuấn	28/02/83		Hà Nội	UBND phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		5.50	5.00	10.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
94	00103	Lê Thanh	Tùng	13/09/84		Nam Định	Cục Kế hoạch - Tài chính, Toàn án nhân dân tối cao	02	7.50	5.00	12.50	
95	00104	Nguyễn Thị Hồng	Vân	10/10/81	Nữ	Phú Thọ	Công ty TNHH Sản xuất cơ điện và Thương mại Phương Linh	01	5.50	6.00	11.50	
96	00105	Dương Thị Hải	Yến	27/04/85	Nữ	Thái Nguyên	UBND phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội		6.00	5.00	11.00	
97	00501	Nguyễn Minh	Tuấn	26/03/78		Hà Nội	Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí		.	.	.	Miễn thi
98	00502	Trần Thị Thu	Giang	08/07/80	Nữ	Phú Thọ	Văn phòng Luật sư ASEAN		.	.	.	Miễn thi
99	00503	Nguyễn Văn	Thành	28/02/86		Hà Nội	UBND phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
100	00504	Nguyễn Văn	Long	06/10/86		Hà Nội	UBND phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
101	00505	Lê Thị Thúy	Hằng	10/11/80	Nữ	Bắc Ninh	Tổng Công ty Thép Việt Nam CTCP		.	.	.	Miễn thi
102	00506	Nguyễn Anh Tuấn	Khanh	07/08/78		Thái Bình	Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Bảo Hưng		.	.	.	Miễn thi
103	00507	Phạm Thành	Nam	17/05/81		Hà Nội	UBND phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
104	00508	Vũ Lê	Phi	25/10/87		Thái Bình	UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
105	00509	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/05/79	Nữ	Thanh Hóa	Phòng Tổ chức hành chính, Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
106	00510	Vũ Hoàng	Điệp	08/12/81		Hà Nam	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong		.	.	.	Miễn thi
107	00511	Phạm Trần	Đức	20/10/84		Hà Nội	UBND phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
108	00512	Phạm Huy	Bình	03/12/73		Hà Nội	Đội Thanh tra xây dựng quận Thanh Xuân		.	.	.	Miễn thi
109	00513	Trần Ngọc	Dũng	21/09/83		Bắc Giang	Công ty TNHH Inco Minh Anh		.	.	.	Miễn thi
110	00514	Mai Thị	Vân	23/03/83	Nữ	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Xây dựng Giang Nam		.	.	.	Miễn thi
111	00515	Nguyễn Thành	Trung	11/08/83		Hà Nội	UBND phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà		.	.	.	Miễn thi
112	00516	Nguyễn Đức	Thuận	20/07/85		Hà Nội	UBND xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
113	00517	Nguyễn Trung	Thành	19/08/78		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thiết bị nền móng 911		.	.	.	Miễn thi
114	00518	Trịnh Văn	Thắng	20/03/74		Hà Nội	Cơ quan thanh tra Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng		.	.	.	Miễn thi
115	00519	Phạm Lê	Minh	16/12/74	Nữ	Hà Nội	UBND phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
116	00520	Đào Xuân	Tuấn	23/04/77		Hà Nội	Công ty Cổ phần Sông Đà 6		.	.	.	Miễn thi
117	00521	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	30/12/74	Nữ	Hà Nội	UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
118	00522	Nguyễn Trung	Dũng	22/11/90		Hà Nội	Phòng Nội Vụ, UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
119	00523	Lê Ngọc	Tiến	02/09/81		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Đầu tư và tư vấn quản lý 5A		.	.	.	Miễn thi
120	00524	Hà Việt	Trung	28/09/87		Hà Nội	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương, chi		.	.	.	Miễn thi
121	00525	Trần Xuân	Đức	29/12/87		Nam Định	Phòng Tổng hợp, Ban tài chính kế toán, Tập đoàn Xăng dầu Việt		.	.	.	Miễn thi
122	00526	Nguyễn Thanh	Đông	20/10/75		Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại vận tải Hoàng Quang		.	.	.	Miễn thi
123	00527	Nguyễn Đức	Thắng	09/06/86		Phú Thọ	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phú Thái		.	.	.	Miễn thi
124	00528	Vũ Thị Thanh	Tâm	09/10/89	Nữ	Nam Định	Công ty TNHH sản xuất, Thương mại tổng hợp Đông á		.	.	.	Miễn thi
125	00529	Bạch Ngọc	Chiến	20/10/71		Hà Nội	Văn phòng UBND tỉnh Nam Định		.	.	.	Miễn thi
126	00530	Thái Khắc	Dũng	16/05/89		Nghệ An	Cục Kế hoạch - Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao		.	.	.	Miễn thi

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
127	00531	Đoàn Thị Thanh	Bằng	20/03/78	Nữ	Bắc Ninh	Cục Kế hoạch - Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao		.	.	.	Miễn thi
128	00532	Bùi Quang	Tuyển	14/01/83		Yên Bái	Cục Kế hoạch - Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao		.	.	.	Miễn thi
129	00533	Nguyễn Thị Thu	Trang	16/07/89	Nữ	Hà Nội	Công ty Luật TNHH Tư vấn Độc Lập		.	.	.	Miễn thi
130	00534	Bùi Xuân	Tiến	08/06/86		Thái Bình	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản		.	.	.	Miễn thi
131	00535	Phạm Văn	Chiến	29/11/85		Hải Dương	Công ty TNHH Thẩm định giá Việt Nam		.	.	.	Miễn thi
132	00536	Phan Vũ Tuyết	Mai	07/06/88	Nữ	Đắk Lắk	UBND phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An		.	.	.	Miễn thi
133	00537	Lê Mạnh	Tiến	22/03/82		Hà Tĩnh	UBND phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
134	00538	Nguyễn Mai	Dung	19/04/88	Nữ	Hà Nam	Chi nhánh Tilleke&Gibbins Consultants Limited tại Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
135	00539	Vũ Thị Mỹ	Dung	12/08/72	Nữ	Hưng Yên	ủy ban kiểm tra, Quận ủy Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
136	00540	Nguyễn Tùng	Anh	17/03/84		Hà Nội	UBND xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
137	00541	Nguyễn Tú	Anh	11/12/76	Nữ	Bắc Giang	Công ty Luật TNHH T&G		.	.	.	Miễn thi
138	00542	Nguyễn Anh	Minh	10/08/90		Hà Nội	UBND phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
139	00543	Trịnh Quốc	Bảo	15/10/87		Hải Dương	Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ		.	.	.	Miễn thi
140	00544	Trần Đình	Hoạch	08/09/77		Hải Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt		.	.	.	Miễn thi
141	00545	Vũ Thị	Dung	19/10/85	Nữ	Thái Bình	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ viễn thông Miền Bắc		.	.	.	Miễn thi
142	00546	Trần Ngọc	Tú	16/10/89	Nữ	Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy		.	.	.	Miễn thi
143	00547	Lê Thị Lan	Phương	22/03/71	Nữ	TP Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Phát triển phần mềm Cuộc sống		.	.	.	Miễn thi

CỘNG TRƯỞNG V16C1 : 143 THÍ SINH

HIỆU TRƯỞNG


TS. Lê Tiên Châu